

Bản án số: **20/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 06-8-2020
“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Thanh.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Tuấn Anh và Ông Phan Văn Nam.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế: Ông Trần Quang Hòa, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2020 về việc xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐ-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Như B, sinh năm 1995, địa chỉ: Đội 6, Thôn 4, xã Quảng Công, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Đức M (Minh Duc Tran); địa chỉ: 12247 3RD St Ne Blaine, MN 55434, USA; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Như B đề ngày 29/4/2020 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Như B trình bày:

Chị và anh Trần Đức M(Minh Duc Tran) quen nhau do người thân của chị giới thiệu. Sau một thời gian tìm hiểu qua điện thoại và facebook đến khoảng tháng 10/2016 anh Trần Đức M về Việt Nam chơi, Chị B và anh M quyết định đi đến hôn nhân. Chị B và anh M đã tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND huyện Quảng Điền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/10/2016. Anh chị đã tổ chức lễ cưới theo truyền thống tại Nhà hàng tiệc cưới Mỹ Nhung tại địa chỉ: Thôn 4, xã Quảng Công, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại nhà Chị B được một thời gian ngắn khoảng 02 tuần thì anh M về nước vì công việc. Ban đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau nhưng sau đó thưa dần và không liên lạc với nhau nữa. Từ khi về nước đến

nay, anh M không về lại Việt Nam thăm chị B; anh cũng không muốn liên lạc với chị dù Chị B đã cố gắng liên lạc với anh; dẫn đến nhiều lần cãi vã phát sinh và Chị B xét thấy tình trạng hôn nhân không còn hạnh phúc nên quyết định xin ly hôn.

Chị B khẳng định, chị và anh Trần Đức M không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Đối với bị đơn anh Trần Đức M(Minh Duc Tran): Ngày 04/6/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã gửi công văn số 1578/CV-TA ngày 04/6/2020 về việc đề nghị anh Trần Đức M (Minh Duc Tran) cung cấp lời khai kèm theo bản phôi tờ toàn bộ hồ sơ khởi kiện xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị Như B. Đến ngày 03/7/2020, Tòa án nhận được văn bản trả lời của anh Trần Đức M(Minh Duc Tran) đề ngày 10/6/2020; trong văn bản trả lời anh M khai các vấn đề sau: Anh Trần Đức M đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ kèm theo của Tòa án, anh M đồng ý ly hôn với vợ là Chị Nguyễn Thị Như B và cũng đồng ý với lời khai của Chị B là giữa vợ chồng anh chị không có con chung, không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bản thân anh do bận công việc không thể về Việt Nam làm việc và tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án được nên anh Trần Đức M (Minh Duc Tran) đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và anh đồng ý ly hôn như lời trình bày của anh và nội dung yêu cầu của Chị Nguyễn Thị Như B.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn anh Trần Đức M (Minh Duc Tran) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Minh.

Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng và về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu của Chị Nguyễn Thị Như B được ly hôn với anh Trần Đức M (Minh Duc Tran).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đạt thông báo theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, Chị B giữ nguyên yêu cầu được ly hôn và các yêu cầu khác theo đơn xin ly hôn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của Chị Nguyễn Thị Như B, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng Chị Nguyễn Thị Như B và anh Trần Đức M (Minh Duc Tran) kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/10/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau một thời gian ngắn tại gia đình Chị B thì anh M trở về Hoa Kỳ. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau nhưng về sau càng ít quan tâm đến nhau. Chị B cho rằng hiện nay, giữa vợ chồng chị không còn quan tâm nhau và không còn tình cảm với nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, khả năng đoàn tụ vợ chồng là rất khó, mục đích hôn nhân không đạt được, việc Chị B xin ly hôn là tự nguyện. Mặt khác, anh Trần Đức M (Minh Duc Tran) cũng có văn bản trả lời đồng ý ly hôn với Chị B và xin được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho Chị B được ly hôn với anh Trần Đức M là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị B và anh M đều khai không có con chung.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh M đều khai không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị B phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 464, điểm a khoản 5 Điều 477, và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Chị Nguyễn Thị Như B được ly hôn anh Trần Đức M (Minh Duc Tran).

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Như B và anh Trần Đức M đều khai không có.

3. Tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Như B và anh Trần Đức M đều khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Như B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 005642 ngày 22/5/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chị Nguyễn Thị Như B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Đức M (Minh Duc Tran) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- UBND huyện Quảng điền;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA;Tòa DS;HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Thanh